

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: S.QLS./BC-CTy

Đắk Lắk, ngày 1.0 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: **DAK LAK URBAN AND ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **DAKURENCO**

- Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Nguyễn Thanh Hà

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

+ Ông Nguyễn Thành Nhựt

Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000179936 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/9/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2025.

- Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.326.276.813 đồng

- Địa chỉ: Số 01 Đào Duy Từ, phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

- Số điện thoại: 0262. 3816 886

- Số fax: 0262. 3816 886

- Website: <http://moitruongdothidaklak.com.vn>

- Mã cổ phiếu: UDL

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường được thành lập theo Quyết định số 732/1999/QĐ-UB ngày 09 tháng 04 năm 1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Thành lập Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích (Trên cơ sở hợp nhất Nhà máy chế biến Phân bón Buon Ma Thuột và Công ty Quản lý công trình đô thị).

Từ tháng 4 năm 1999 đến tháng 7 năm 2008 Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4006000009 ngày 26/4/1999, cấp lại lần thứ nhất ngày 02/12/2006;

Từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2019, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 và Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt

Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi) của Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Từ tháng 6/2016 Công ty triển khai thực hiện Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Ngày 31/01/2019, Công ty tổ chức chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng với tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 2.891.200 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Giá trúng cao nhất là 13.700 đồng; giá trúng thấp nhất là 11.600 đồng; giá trúng bình quân là 12.081 đồng với tổng số nhà đầu tư trúng giá là 02 nhà đầu tư.

Ngày 25/6/2019, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000179936 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/9/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2025 với vốn điều lệ là 66.200.000.000 đồng.

Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04-CPH/2019/GCNCP-VSD do VSD cấp ngày 22/5/2019; số 49/2019/GCNCP-VSD, cấp lại ngày 23/10/2019 với tổng số cổ phiếu đăng ký là: 6.620.000 cổ phiếu.

- Các sự kiện khác: Không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Thu gom rác thải không độc hại

- **Ngành nghề kinh doanh:**

+ Xây dựng công trình điện

+ Sửa chữa thiết bị điện

Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng

+ Xây dựng công trình cấp, thoát nước

+ Xây dựng công trình công ích khác

+ Xây dựng công trình đường bộ

+ Xây dựng công trình thủy

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

+ Phá dỡ

+ Chuẩn bị mặt bằng

+ Lắp đặt hệ thống điện

+ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí

- + Hoàn thiện công trình xây dựng
- + Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- + Trồng rau, đậu và các loại hoa
- Chi tiết: Trồng hoa hàng năm
- + Trồng cây hàng năm khác
- Chi tiết: Trồng cây hàng năm khác còn lại như: Trồng cỏ, chăm sóc cỏ
- + Trồng cây ăn quả
- Chi tiết: Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới
- + Trồng cây lâu năm khác
- Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm; trồng cây lâu năm khác còn lại
- + Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm
- + Nhân và chăm sóc giống cây lâu năm
- + Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- + Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan
- Chi tiết: Hoạt động khai thác yến ở hang, xây nhà gọi yến
- + Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
- Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng khác; Ươm giống cây lâm nghiệp
- + Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- + Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- + Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường
- + Sản xuất điện
- Chi tiết: Điện mặt trời
- + Thoát nước và xử lý nước thải
- + Thu gom rác thải không độc hại
- + Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
- + Thu gom rác thải độc hại
- + Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
- + Tái chế phế liệu
- + Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- + Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- + Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Chi tiết: Buôn bán hoa và cây cảnh; Buôn bán động vật sống (*trừ kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục cấm theo quy định của Luật đầu tư năm 2020*)
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Buôn bán vật tư thiết bị điện

+ Vận tải hành khách đường bộ khác

Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng

+ Cho thuê xe có động cơ

+ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển

+ Cung ứng lao động tạm thời

+ Vệ sinh chung nhà cửa

+ Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt

+ Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ

+ Hoạt động vui chơi giải trí

+ Hoạt động thể thao khác

+ Giáo dục mẫu giáo

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

+ Nuôi trồng thủy sản nội địa

+ Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò

+ Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa

+ Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

+ Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

+ Chăn nuôi gia cầm

+ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

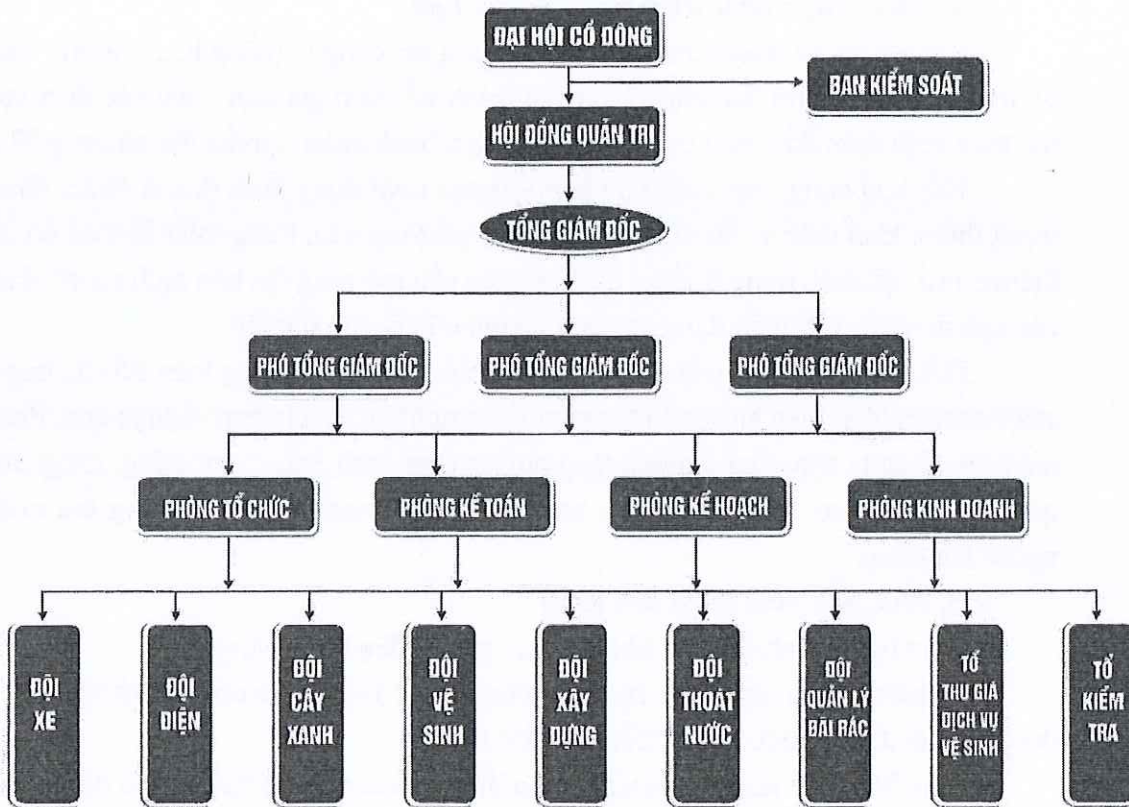
+ Buôn bán thực phẩm.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Hiện nay Công ty tập trung vào các dịch vụ công ích, môi trường đô thị tại địa bàn các Phường, Xã thuộc khu vực phía tây tỉnh Đắk Lắk (khu vực thành phố Buôn Ma Thuột cũ).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Công ty là một công ty cổ phần áp dụng mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Sử dụng và huy động vốn trong sản xuất kinh doanh gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận.

- Phát huy các thế mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch khối lượng dịch vụ và chỉ tiêu tài chính hàng năm được HĐQT thông qua;

- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực, địa bàn phục vụ, từng bước xúc tiến mở rộng địa bàn phục vụ trong một số lĩnh vực công ty đang có thế mạnh (quản lý chăm sóc cây xanh; điện công cộng...);

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn doanh nghiệp, phát triển một số dự án tiềm năng để tạo bước phát triển bền vững cho những năm tiếp theo;

- Quản lý và kiểm soát tốt chi phí trong hoạt động kinh doanh dịch vụ theo định hướng tiết kiệm, hiệu quả;

- Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, kinh nghiệm thực tiễn, thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động, đảm bảo cho người lao động an tâm công tác, có tinh thần gắn bó lâu dài với công ty.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Công ty đối với Nhà nước theo quy định của pháp

luật hiện hành (thuế, đất đai, môi trường, bảo hiểm....).

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Hoàn thiện và phát triển các chỉ tiêu năng lực công ty (năng lực; phương tiện thiết bị, nguồn vốn...) đảm bảo năng lực cạnh tranh để tham gia thực hiện các dịch vụ công ích theo hình thức đấu thầu trong điều kiện vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

- Kết hợp cung ứng dịch vụ công với các hoạt động kinh doanh khác, đầu tư có trọng điểm, khai thác và sử dụng có hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hiện có. Đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu mở rộng địa bàn dịch vụ và phát triển các ngành nghề mới theo đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đổi mới công tác quản trị, thực hiện chuyển đổi số trong toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp theo hướng tinh gọn chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả. Phát triển mô hình công ty trực thuộc nhằm tăng cường tính cạnh tranh, chủ động, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như tăng thu nhập cho người lao động.

4.3. Mục tiêu phát triển bền vững

- Đảm bảo doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm.

- Nghiên cứu hướng đến áp dụng công nghệ hiện đại trong xử lý rác thải, nước thải, quét dọn, thu gom, điện chiếu sáng đô thị...

- Đảm bảo việc làm, tạo thu nhập ổn định và các chế độ bảo hộ lao động khác cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất.

- Phát triển doanh nghiệp phải gắn liền với mục tiêu bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, làm công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro

Năm 2025 là năm khởi đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, dẫn đến thay đổi các quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động công ích và quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cùng với sự thay đổi các quy định pháp luật trong các lĩnh vực xây dựng, môi trường, tài chính, lao động, thuế, ... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động cung cấp dịch vụ công ích đô thị, quản lý vận hành công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

5.1 Rủi ro về kinh tế:

- Hoạt động dịch vụ do Nhà nước giao (thông qua hình thức đặt hàng đất thầu) chiếm trên 75% tổng doanh thu hàng năm, vấn đề này cho thấy hoạt động kinh dịch vụ chịu sự tác động tình hình kinh tế vĩ mô của địa phương ảnh hưởng đến ngân sách của địa phương dành cho dịch vụ công, tác động lớn đến doanh thu Công ty hàng năm.

- Lĩnh vực dịch vụ theo hình thức đặt hàng từng năm có tỷ lệ doanh thu lớn của Công ty, làm cho sự phụ thuộc vào các hợp đồng dịch vụ hàng năm của địa phương, ảnh hưởng đến định hướng phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn của Công ty. Đồng thời, có thể là một rủi ro nếu sự thay đổi trong ưu tiên bố trí kinh phí của tỉnh hoặc thị trường tăng trưởng như kỳ vọng.

- Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (từ ngày 01/7/2025), làm thay đổi chủ đầu tư, cơ quan quản lý đặt hàng dịch vụ công ích và nguồn vốn (từ cấp tỉnh về cấp khu vực hoặc phường/xã) tác động lớn đến công tác ký kết Hợp đồng; lập, thẩm định và phê duyệt dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán hoạt động dịch vụ công ích tiềm ẩn rủi ro về chậm thanh toán, ảnh hưởng dòng tiền hoạt động Công ty.

- Sự xuất hiện và phát triển của doanh nghiệp tư nhân chuyên môn hóa trong lĩnh vực môi trường có thể tạo ra áp lực cạnh tranh về giá, chất lượng dịch vụ nhất là các gói thầu dịch vụ nhỏ của các cơ quan, công trình công cộng. (như trụ sở, công trình công cộng; khu/cụm công nghiệp).

5.2 Rủi ro về pháp luật:

- Là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường... Vì vậy, Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Công ty trong công tác quản trị khi Chính phủ đang hướng tới một hành lang pháp lý khoa học và chặt chẽ hơn.

- Đối với gói thầu dịch vụ công ích theo hình thức đấu thầu (gói thầu giai đoạn từ 3-5 năm). Việc thay đổi chính sách tiền lương cơ sở trong quá trình thực hiện gói thầu nhưng không thay đổi tổng mức gói thầu ảnh hưởng lớn đến hoạch toán chi phí, doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp;

- Việc thay đổi và thiếu ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà nước ảnh hưởng lớn khi thực hiện các gói thầu dịch vụ công ích (hình thức đặt hàng, đấu thầu), tác động đến nghiệm thu, thanh quyết toán, tồn đọng nợ kéo dài.

- Phát sinh các quy định về chính sách thuế mà trước đó, khi phê duyệt dự toán, hợp đồng dịch vụ không thuộc đối tượng nộp thuế. Quá trình thực hiện có phát sinh (như thuế GTGT), buộc doanh nghiệp phải lấy từ doanh thu, chi phí nhưng bản chất các khoản thuế phải tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

- Đơn giá dịch vụ công ích đô thị thuộc thẩm quyền ban hành của Nhà nước còn chậm điều chỉnh, ban hành mới không phù hợp với mặt bằng chi phí dịch vụ từng thời điểm làm một số hoạt động dịch vụ không hiệu quả, không bù đắp đủ chi phí thực hiện dịch vụ.

5.3 Rủi ro về môi trường:

- Sự thay đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chi tiêu môi trường làm cho các công trình xử lý môi trường đang vận hành chưa đáp ứng với các quy chuẩn mới cần cải tạo, đầu tư ảnh hưởng lớn đến chi phí vận hành, chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động;

- Các công trình xử lý môi trường (xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thoát nước...) đang trong tình trạng quá tải, cần đầu tư mới. Trong khi điều kiện kinh tế xã hội của địa phương chưa đáp ứng kịp thời đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả dịch vụ.

5.4 Rủi ro khác:

- Những năm gần đây, thường xuyên xảy ra thiên tai, thời tiết cực đoan tác động đến các hoạt động ứng phó phát sinh nhiều chi phí ngoài kế hoạch;
- Những khó khăn chung của kinh tế trong từng giai đoạn của địa phương tác động đến ngân sách nhà nước và các khoản đầu tư xã hội chi cho các dịch vụ công ích, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2025

Đvt: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực	Thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2024	Kế hoạch chỉ tiêu tài chính năm 2025	Kết quả thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2025	So sánh cùng kỳ (năm 2025/2024)	So sánh % (Thực hiện/ Kế hoạch)
1	Tổng Doanh thu	214.198	205.232	222.924	104,07%	108,62%
2	Tổng Chi phí	184.229	181.630	182.980	99,32%	100,74%
3	Lợi nhuận trước thuế	29.969	23.602	39.944	133,28%	169,24%
4	Lợi nhuận sau thuế	23.794	18.881	31.309	131,58%	165,82%
5	Thu nhập bình quân	9,4	9,4	9,5	101,06%	101,06%

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Về tổng doanh thu: Tổng doanh thu trong năm tăng 108,62% so với kế hoạch và tăng 104,07% so với cùng kỳ năm trước.
- Về tổng chi phí: Tổng chi phí tăng 100,74% so với kế hoạch và tăng giảm 99,32% so với cùng kỳ năm trước.
- Về lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025 tăng 165,82% so với lợi nhuận kế hoạch và tăng 131,58% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành (tính đến ngày 31/12/2025)

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thành Nhật	Tổng Giám đốc	0	0
2	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	3.000	0,046%
4	Nguyễn Quốc Tuấn	Phó tổng Giám đốc	2.386.200	36,617%

5	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	5.000	0,077%
---	--------------	----------------	-------	--------

Lý lịch Ban điều hành

(1) (ÔNG) NGUYỄN THÀNH NHỰT

- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ngày sinh: 07/06/1965
- Nơi sinh: Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Buôn Ma Thuột, tỉnh

Đắk Lắk

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Dân dụng – Công nghiệp

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 12/1986 đến Tháng 10/1997	Cán bộ kỹ thuật Sở Xây dựng
Từ tháng 10/1997 đến tháng 10/2009	Trưởng phòng Quy Hoạch Sở Xây dựng
Từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2020	Trưởng phòng Hạ tầng Kỹ thuật Sở Xây dựng
Từ tháng 03/2020 đến tháng 06/2021	Trưởng phòng Quản lý Nhà và thị trường BĐS Sở Xây dựng
Từ tháng 06/2021 –đến tháng 04/2025	Trưởng phòng Quy hoạch kiến trúc Sở Xây dựng
Từ tháng 05/2025 đến nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: không có

(2) (ÔNG) NGUYỄN HOÀNG NAM

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 05/8/1988
- Nơi sinh: Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2011 - 2017	Đội trưởng Đội xe Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam
Từ 2017 – 6/2019	Phó Giám đốc Công ty TNHH XDCĐ Hoàng Nam
Từ tháng 7/2019 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Hoàng Nam (ông Nguyễn Hoàng Nam là Phó Giám đốc): 3.323.400 cổ phần, chiếm 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

(3) (ÔNG) LÊ ĐÌNH TRUNG

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: 01/9/1964

- Nơi sinh: Nghệ An

- CCCD:

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: , phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 1987 - 1995	Cán bộ Công ty Chăn nuôi Đắk Lắk
Từ 1996 - 2001	Cán bộ Nhà máy Chế biến phân bón Buon Ma Thuột; nhân viên phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật, Đội phó Đội cây xanh Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Từ 2002 - 2014	Nhân viên, Trưởng bộ phận đấu nối đền bù giải tỏa Ban quản lý dự án Thoát nước Buon Ma Thuột; Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.
Từ 2015 – 6/2019	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ tháng 7/2019 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.000 cổ phần, chiếm 0,046% cổ phần có quyền biểu quyết

- + Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần, chiếm 0,046% cổ phần có quyền biểu quyết
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

(4) (ÔNG) NGUYỄN QUỐC TUẤN

- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty
- Ngày sinh: 18/01/1981
- Nơi sinh: Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 2/2005 đến tháng 5/2005	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Đắk Lắk
Từ tháng 6/2005 đến tháng 3/2006	Trợ lý Phó Giám đốc QC xí nghiệp Tư doanh chế biến gỗ Trường Thành – huyện Ea Hleo
Từ tháng 4/2006 đến tháng 9/2006	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH TKNT và XD Huy Phát
Từ tháng 10/2006 đến tháng 12/2018	Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ tháng 7/2019 đến tháng 02/2020	Phó Trưởng phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ tháng 03/2020 đến tháng 04/2025	Người phụ trách quản trị Công ty; Trưởng phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 05/2025 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị; Người phụ trách quản trị Công ty; Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.386.200, chiếm 36,617% cổ phần có quyền biểu quyết
- + Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần, chiếm 0,046% cổ phần có quyền biểu quyết
- + Đại diện sở hữu của UBND tỉnh Đắk Lắk là : 2.383.200 cổ phần, chiếm 36,57% cổ phần có quyền biểu quyết
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

(5) (ÔNG) LÊ NGUYỄN VŨ

- Chức vụ: Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 25/10/1980
- Nơi sinh: Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 2003 - 2005	Kế toán tổng hợp CTy TNHH T.P Việt Nam, TP.Hồ Chí Minh
Năm 2005 - 2006	Kế toán công nợ Công ty TNHH Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên, TP. Hồ Chí Minh
Năm 2007 - 2008	Nhân viên chăm sóc phần mềm kế toán Dignet Công ty cổ phần Định Gia Nét, TP.Hồ Chí Minh
Năm 2008 – 2009	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tư vấn xây dựng nước và môi trường KTV, TP.Buôn Ma Thuột
Năm 2009 -2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2011 – 2013	Phụ trách kế toán Xí nghiệp xây dựng công trình và dịch vụ chi nhánh Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2013 – 2014	Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2014 – 6/2019	Phó phòng kế toán tài vụ Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 07/2019 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: Không có.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 15/05/2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với Ông Bùi Văn Quý, nghỉ hưu theo chế độ và miễn nhiệm chức danh Thư ký HĐQT đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn, bố trí công việc khác.

Cùng ngày, Hội đồng quản trị cũng thống nhất thông qua Nghị quyết ký kết hợp đồng lao động và bầu bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Thành Nhựt, bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Quốc Tuấn, quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2025.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

a) Số lượng cán bộ, nhân viên (tính đến 31/12/2025)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Trình độ	743	100%
1	Trên đại học	1	0,13%
2	Cao đẳng, đại học	109	14,67%
3	Trung cấp	57	7,67%
4	Sơ cấp	01	0,13%
5	Công nhân kỹ thuật	49	6,6%
6	Lao động phổ thông	526	70,8%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	743	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	82	11,04%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	660	88,83%
3	Không ký hợp đồng	01	0,13%
C	Theo giới tính	743	100%
1	Nam	386	51,95%
2	Nữ	357	48,05%

b) Lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động	742	756	743
Lương bình quân (Đồng/người/tháng)	8.800.000	9.400.000	9.500.000

c) Chính sách nhân sự:

* Chính sách đào tạo:

Xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hàng năm, từng bước xây dựng đội ngũ quản lý, nhân viên, người lao động có chuyên môn, tay nghề đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động, phù hợp vị trí việc làm.

* Về chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Thực hiện chế độ nâng lương, nâng bậc cho người lao động theo pháp luật lao động cũng như các chính sách của Nhà nước. Mức tiền lương, thưởng của Công ty được quyết định dựa vào mức hiệu quả lao động.

+ Người lao động gián tiếp (Bộ phận văn phòng): Trả lương, thưởng theo Quy chế trả lương, Quy chế thưởng của Công ty.

+ Người lao động trực tiếp (Công nhân): Trả lương, thưởng theo Quy chế trả lương, Quy chế thưởng của Công ty.

Người lao động (hợp đồng lao động dài hạn) được đảm bảo các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo đúng quy định. Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho 100% nhân viên, người lao động. Thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật theo quy định, bảo hộ lao động 100% đối tượng theo quy định.

Chế độ phúc lợi khác: Chi thưởng dịp lễ, Tết, tăng ca, ngoài giờ... nhằm đảm bảo lợi ích của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm nhằm đáp ứng và nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

- Đầu tư mua sắm: 02 xe cuốn ép rác (có tải trọng > 5 tấn); 01 xe quét hút bụi đường (loại >5m3); 02 xe thang điện (có chiều dài thang từ 17m đến 30m). Giá trị ước tính (theo báo giá): 11.600.000.000 đồng.

- Đầu tư mua sắm 07 nhà vệ sinh di động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	243.489	185.508	76,19%
Doanh thu thuần	211.410	218.616	103,41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.298	40.285	132,96%
Lợi nhuận khác	(329)	(342)	103,95%
Lợi nhuận trước thuế	29.969	39.944	133,28%
Lợi nhuận sau thuế	23.794	31.309	131,58%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	31%	50%*	

*Tỷ lệ cổ tức dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 xem xét thông qua.

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn</p>	Lần	2,23 2,17	2,92 2,88
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	%	0,22 0,27	0,29 0,40
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</p>	Vòng	49,82 0,87	66,50 1,18
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p>	%	0,11 0,12 0,10 0,14	0,14 0,24 0,17 0,18

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 6.620.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.516.600 cổ phiếu
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 6.132.200 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 384.400 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 103.400 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mã cổ phiếu: UDL
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

5.2. Cơ cấu cổ đông

ST T	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước			
1	Cổ đông nhà nước	2.383.200	23.832.000.000	36,57%
2	Cổ đông Tổ chức	3.323.400	33.234.000.000	51,00%
3	Cổ đông Cá nhân	810.000	8.100.000.000	12,43%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổng cộng	6.516.600	65.166.000.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Từ khi cổ phần hóa đến nay Công ty hoạt động với vốn điều lệ là 66.200.000.000 đồng và không tiến hành thay đổi vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Căn cứ Báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ số 685/BC-CTy ngày 11/06/2025, trong năm 2025, Công ty đã thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu được mua thêm theo số năm cam kết làm việc tiếp tại doanh nghiệp đã chào bán cho người lao động đã nghỉ việc trước thời hạn cam kết nắm giữ theo Phương án cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu đã mua lại thành cổ phiếu quỹ: 103.400 cổ phiếu
- Thời điểm thực hiện giao dịch: 03/06/2025 (theo Công văn số 6790/VSDC-ĐKCP.NV của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam).
- Giá giao dịch bình quân: 11.500 đồng/cổ phiếu.
- Giá trị giao dịch: 1.189.100.000 đồng
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính:

+ Phát thải trực tiếp: 1.206,53 tấn CO₂

+ Phát thải gián tiếp: 219,03 tấn CO₂

Các biện pháp giảm thiểu khí nhà kính: Trồng thêm nhiều cây xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, thường xuyên bảo dưỡng xe máy để giảm hao phí nhiên liệu.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

* Tổng lượng nguyên vật liệu:

Bảng 1: Nhiên liệu sử dụng năm 2025

Nhiên liệu	Khối lượng
Điện (kWh)	351.297
Dầu Diesel (L)	412.970,6
Xăng A95 (L)	4.030,6

Xăng A92 (L)	28.826,2
Nhớt (L)	336,5

* **Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế:** Không có

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

- Tổng điện năng tiêu thụ chiếu sáng công cộng trong năm 2025 là 10.000.012 Kwh, so với phương án tiết kiệm năm 2025 là 11.178.528 Kwh.

- Các biện pháp tiết kiệm năng lượng đã được áp dụng như: Thay thế các loại bóng đèn cao áp cũ bằng đèn led hiệu suất cao. Cài đặt chế độ đa cấp công suất tại đèn hoặc tủ điều khiển và sử dụng hệ thống quản lý vận hành từ xa giúp bật, tắt chính xác đến từng điểm sáng, giảm thiểu thời gian dư thừa so với rơ le thời gian truyền thống...

6.4. Tiêu thụ nước

* **Tiêu thụ nước:** Nước của các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

* **Nguồn cung cấp nước:** Nước sạch sinh hoạt từ hệ thống cấp nước đô thị, nước giếng khoan, nước từ các sông suối, ao hồ trên địa bàn thành phố. (phục vụ tưới tiêu)

STT	NỘI DUNG	Lượng nước tiêu thụ năm 2025 (m ³)
A	Tổng lượng nước tiêu thụ (1+2+3)	204.826,97
1	Nước sạch sinh hoạt	78.495,08
-	Chăm sóc cây xanh đường phố, cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền các nơi công cộng	70.798,76
-	Chăm sóc cỏ thảm tại NMXLNT	799,24
-	Nước sử dụng vệ sinh các xe xả thải tại NMXLNT	910,00
-	Nước vận hành tại NMXLNT	4.112,08
-	Nước dành cho các hoạt động khác	1.875,00
2	Nước từ các sông suối, ao hồ tại địa phương	105.038,25
-	Chăm sóc cây xanh đường phố, cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền các nơi công cộng	105.038,25
3	Nước sử dụng từ máy bơm	21.293,64
-	Chăm sóc cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền các nơi công cộng	2.382,7
-	Chăm sóc cây cảnh, cỏ thảm, bồn cảnh, đường viền tại NMXLNT	18.910,94

* **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng**

- Lượng nước thải xử lý tại nhà máy xử lý nước thải thành phố Buôn Ma Thuột (cũ) năm 2025 là 2.902.398m³

- Lượng nước tái sử dụng cho việc tưới tiêu năm 2025 là 103.842m³
- Phần trăm lượng nước tái sử dụng là 3,58%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về môi trường: 0 lần
- Số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về môi trường: 0 đồng

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số người lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2025 là 743 người. Trong đó lao động Nam là 386 người, Nữ là 357 người. Tiền lương bình quân là 9.500.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức khám bệnh nghề nghiệp hàng năm;

- Trang bị phương tiện lao động và công cụ lao động, bảo hộ lao động đầy đủ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với các công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dùng, phù hợp và đảm bảo an toàn.

- Tổ chức các hoạt động xã hội các ngày lễ, ngày kỷ niệm (văn nghệ, thể dục thể thao); khen thưởng các cháu thiếu nhi người lao động trong các dịp ngày quốc tế thiếu nhi, Trung thu, bế giảng năm học. Hoạt động hiếu hỉ, thăm hỏi ốm đau, tai nạn, hỗ trợ người lao động gặp khó khăn, ... được thực hiện chu đáo.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Kết quả đào tạo năm 2025

- Đào tạo an toàn lao động : 100% người lao động được đào tạo;
- Đào tạo an toàn và tay nghề chuyên môn: An toàn xe nâng; an toàn điện; an toàn hóa chất: 100% người lao động vị trí chuyên môn được đào tạo;
- Tham gia lớp đào tạo về quản lý môi trường : 01 khóa;
- Tham gia lớp quản trị doanh nghiệp: 01 khóa.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Hỗ trợ nhân lực, phương tiện xử lý môi trường cho các địa phương phía Đông tỉnh Đắc Lắc khắc phục hậu quả bão lụt trong năm 2025 (trên 10 phường tiện; 40 lao động/07 ngày làm việc);

- Tham gia tích cực và đầy đủ các hoạt động vì cộng đồng như: Tết trồng cây; Hưởng ứng chiến dịch làm cho Thế giới Xanh - Sạch - Đẹp, giờ trái đất do địa phương tổ chức hàng năm.

- Hưởng ứng các hoạt động quyên góp, giúp đỡ cộng đồng ủng hộ, đóng góp cho Quỹ vì người nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ mái ấm Công đoàn, hỗ trợ cán bộ lao động có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ lũ lụt, thiên tai.

- Tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường, vệ sinh cảnh quan và vận động người lao động tham gia các đợt hiến máu nhân đạo do địa phương phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025			% 2025/2024
			KH	TH	%TH/KH	
1	Vốn điều lệ	66.200	66.200	66.200	100%	100%
2	Doanh thu và thu nhập	214.198	205.232	222.924	108,62%	104,07%
3	Tổng chi phí	184.229	181.630	182.980	100,74%	99,32%
4	Lợi nhuận trước thuế	29.969	23.602	39.944	169,24%	133,28%
5	LN trước thuế/vốn điều lệ	45,27	35,65	60,34	169,26%	133,29%
6	Lợi nhuận sau thuế	23.794	18.881	31.309	165,82%	131,58%
7	LN sau thuế/Vốn điều lệ	35,94	28,52	47,29	165,81%	131,58%

1.2 Đánh giá tình hình hoạt động và kết quả đạt được trong năm:

Tổng doanh thu đến 31/12/2025 là 222.924 triệu đồng; đạt 108,62% kế hoạch đề ra (tăng 8,62% so với kế hoạch) và bằng 104,07% so với thực hiện năm 2024 (tăng 4,07%). Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty duy trì ổn định và có xu hướng tăng trưởng.

Tổng chi phí thực hiện là 182.980 triệu đồng, bằng 100,74% kế hoạch (tăng 0,74% so với kế hoạch) và bằng 99,32% so với năm 2024 (giảm 0,68%). Mức tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, đồng thời chi phí còn giảm so với năm trước, thể hiện công tác quản lý chi phí có chuyển biến tích cực và hiệu quả.

Lợi nhuận trước thuế đạt 39.944 triệu đồng, bằng 169,24% kế hoạch (tăng 69,24% so với kế hoạch) và bằng 133,28% so với năm 2024 (tăng 33,28%). Đây là mức tăng trưởng cao, phản ánh rõ nét hiệu quả sản xuất kinh doanh được cải thiện.

Lợi nhuận sau thuế đạt 31.309 triệu đồng, bằng 165,82% kế hoạch (tăng 65,82%) và bằng 131,58% so với thực hiện năm 2024 (tăng 31,58%).

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	2025/2024
A	Tài sản ngắn hạn	116.582.444.828	155.151.615.187	133,08%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.592.937.349	4.627.156.165	22,47%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.000.000.000	81.432.000.000	280,80%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	64.113.435.416	67.092.122.626	104,65%
4	Hàng tồn kho	2.876.072.063	2.000.336.396	69,55%
5	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
B	Tài sản dài hạn	126.906.282.982	30.356.243.962	23,92%
1	Tài sản cố định	104.154.231.037	29.997.582.562	28,80%
2	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	22.752.051.945	358.661.400	1,57%
	Tổng cộng tài sản	243.488.727.810	185.507.859.149	76,19%

Tổng tài sản năm 2025 có thay đổi khá lớn về tỷ trọng, giảm 23,81% so với năm 2024, trong đó chi tiết về tỷ lệ tài sản ngắn hạn tăng 33,08% và tỷ lệ tài sản dài hạn giảm 76,08%. Phần tài sản dài hạn giảm so với năm 2024 chủ yếu là do Công ty đã bàn giao các tài sản thuộc dự án thoát nước và vệ sinh môi trường thành phố Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1) về Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột để quản lý, sử dụng. Công ty tắt toán nguồn ngân sách không còn theo dõi trên sổ sách kế toán.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	2025/2024
A	Nợ ngắn hạn	53.370.558.265	53.181.582.336	101,55%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	5.176.063.473	2.564.648.449	49,55%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.357.901.000	1.921.860.500	141,53%
3	Thuế & các khoản phải nộp nhà nước	6.157.097.142	10.843.464.588	176,11%
4	Phải trả người lao động	28.262.276.110	28.805.746.813	101,92%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	269.156.290	284.782.970	105,81%
6	Phải trả ngắn hạn khác	3.951.973.132	2.595.693.014	65,68%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.196.091.118	6.165.386.002	85,68%
B	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng nợ phải trả	52.370.558.265	53.181.582.336	101,55%

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các quy chế hoạt động trong tất cả các mặt tổ chức vận hành, quản lý công ty (Quy chế hoạt động của Ban TGD; quy chế chỉ tiêu nội bộ; quy trình điều xe; quy trình sửa chữa; chức năng nhiệm vụ tổ kiểm tra....);

- Đổi mới hệ thống quản lý văn bản điện tử đảm bảo hòa nhập với hệ thống hành chính của tỉnh (Idesk) làm cho hoạt động nhận, gửi văn bản nhanh, tiết kiệm chi phí (in ấn, phát chuyển văn bản giấy); hiệu quả.

- Từng bước nghiên cứu, xúc tiến công tác chuyển đổi số trong hoạt động quản lý phù hợp với tính chất hoạt động của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Mục tiêu

- Đảm bảo ổn định hoạt động SX-KD trong lĩnh vực, địa bàn phục vụ, từng bước xúc tiến mở rộng địa bàn phục vụ trong một số lĩnh vực công ty đang có thế mạnh (quản lý chăm sóc cây xanh; điện công cộng....);

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn doanh nghiệp, phát triển một số dự án tiềm năng để tạo bước phát triển bền vững cho những năm tiếp theo;

- Linh hoạt trong tổ chức cơ cấu quản lý thích ứng với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong hoạt động dịch vụ công ích, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch, tài chính năm 2026;

- Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động, đảm bảo cho người lao động an tâm công tác, có tinh thần gắn bó lâu dài với công ty.

4.2. Kế hoạch phát triển trong năm 2026:

- Các chỉ tiêu kinh tế dự kiến thực hiện trong năm 2026:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh % (KH/TH)
1	Vốn điều lệ	66.200	66.200	100%
2	Tổng doanh thu	222.924	225.744	101,27%
3	Tổng chi phí	182.980	194.641	106,37%
4	Lợi nhuận trước thuế	39.944	31.103	77,87%
5	Lợi nhuận sau thuế	31.309	24.085	76,93%

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về Môi trường và Xã hội

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng,

phát thải...)

a) Về tiêu thụ nước: Trên 80% tổng lượng nước tiêu thụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh là dùng cho tưới tiêu, chăm sóc cây xanh đô thị. Trong đó, từ nguồn nước sinh hoạt của hệ thống cấp nước đô thị chiếm 38%. Từ năm 2026, chỉ tiêu này sẽ tiếp tục giảm không quá 30% tổng lượng nước sản xuất kinh doanh.

Tập trung sử dụng nước mặt (ao hồ, sông suối) phục vụ tưới tiêu, chăm sóc cây xanh, từng bước tăng tỷ lệ tái sử dụng nước sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải.

b) Về phát thải:

- Đảm bảo công tác PCCC tại bãi rác Hòa Phú, không để phát thải khí phát sinh do cháy;
- Thiết kế tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt hợp lý theo tiêu chí tiết kiệm nhiên liệu

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Với quan điểm nguồn lực lao động trong Công ty có vai trò quan trọng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lãnh đạo Công ty đã thực hiện:

- Điều chỉnh tăng lương thu nhập theo kết quả SX-KD công ty đảm bảo thu nhập người lao động cao hơn mặt bằng chung cho loại hình cùng ngành nghề.
- Tổ chức xác lập “Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp, quy chế lương và chuyển xếp lương cho người lao động” theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP. Trên nguyên tắc: phân phối tiền lương theo lao động gắn với hiệu quả SX-KD, kết quả lao động của từng người, từng bộ phận, đơn vị.
- Sắp xếp cơ cấu tổ chức lao động trực tiếp, khai thác hiệu quả lực lượng lao động hiện có. Đảm bảo tiền lương và thu nhập người lao động bình quân 9,5 triệu đồng/người/tháng.
- Giải quyết tốt các chế độ an sinh xã hội đối với người lao động.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Tham gia đầy đủ, có trách nhiệm các hoạt động phong trào do địa phương tổ chức; các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp (Quỹ vì người nghèo, phòng chống thiên tai, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động Đoàn thể và nhiều chương trình khác) do địa phương phát động.

- Tham gia là thành viên các Hiệp hội ngành nghề, lĩnh vực (Hội môi trường; cấp thoát nước, chiếu sáng) đóng góp nhiều nội dung chuyên môn để cùng phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị phối hợp tốt với Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị thông qua. Trong đó,

thường xuyên có những phương án chủ động, tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc điều hành thuận lợi. Cụ thể:

- Trên cơ sở đề nghị của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị đã ban hành các Quy chế, quy định, Nghị quyết thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị và chủ tịch HĐQT;

- Ban Tổng Giám đốc đề xuất và tham mưu xử lý kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chủ tịch HĐQT trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: Thanh lý, mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất...;

- Ban Tổng Giám đốc kịp thời đề xuất Hội đồng quản trị báo cáo UBND tỉnh, các sở ngành kiến nghị các vấn đề liên quan đến chủ trương, chính sách (như kiến nghị về áp dụng chính sách thuế; giá dịch vụ thuộc thẩm quyền ban hành của UBND cấp tỉnh...);

- Ban Tổng Giám đốc đã duy trì tốt chế độ báo cáo tháng. Qua đó, thông tin kịp thời các chỉ số hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện, kế hoạch chi phí, các vấn đề liên quan đến quản lý lao động các chính sách cho người lao động.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và tham gia đầy đủ công tác xã hội do địa phương phát động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các nội quy, quy chế của Công ty, cụ thể:

- Việc quản lý điều hành của Ban TGD nhìn chung đảm bảo duy trì hoạt động công ty đáp ứng các khối lượng, doanh thu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm được duyệt;

- Quản lý điều hành của Ban TGD thực hiện nghiêm túc các Nội quy, Quy chế công ty được HĐQT, chủ tịch HĐQT phê duyệt. Thực hiện chế độ báo cáo xin ý kiến kịp thời những công việc ngoài thẩm quyền của Ban TGD;

- Quản lý tài chính minh bạch, rõ ràng, thực hiện tốt các nghĩa vụ, chính sách của nhà nước (Thuế; tiền thuê đất; phí...). Quản lý chi phí rõ ràng, theo thẩm quyền được giao;

- Quản lý tốt tài sản công ty, không xảy ra các trường hợp thất thoát, lãng phí. Quản lý lao động chắc chắn.

- Duy trì tốt chế độ báo cáo định kỳ tháng cho HĐQT, Ban Kiểm soát.

Tuy nhiên, hoạt động quản trị của Ban TGD còn một số tồn tại sau:

- Quản lý nhân sự chưa linh hoạt trong điều chuyển các chức danh, vị trí việc làm phù hợp với từng giai đoạn theo yêu cầu công việc;

- Chưa chấn chỉnh kịp thời những bất cập trong hoạt động quản lý, còn xảy ra

những tồn tại trong việc thanh quyết toán mua sắm phụ tùng xe máy (Đội xe);

- Quan hệ với các sở ngành chưa năng động, vẫn còn có chủ quan dựa vào sự hỗ trợ của HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện cơ bản đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện đúng chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; từng bước khắc phục các tồn tại, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin. Các chế độ, quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Công ty cần tập trung khẩn trương triển khai hoàn thành Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT, ngày 20/01/2025 của Hội đồng quản trị Công ty với các nội dung đang dở dang, chưa hoàn thành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

- Trên cơ sở năng lực của Công ty (nguồn vốn; trang thiết bị; nhân lực, kinh nghiệm) để phát triển và mở rộng địa bàn phục vụ; Với lợi thế chất lượng phục vụ của công ty trong những năm qua được các cấp chính quyền đánh giá cao, cần mở rộng thị trường tạo ra nhiều cơ hội cạnh tranh dịch vụ và mở rộng thị trường dịch vụ.

- Trên cơ sở “*Quy chế hoạt động của của Ban tổng giám đốc và các phòng ban chức năng*” được HĐQT ban hành tại Quyết định 25/QĐ-HĐQT ngày 25/7/2025. Kiện toàn tổ chức hoạt động và chức danh quản lý của các phòng chức năng. Đặc biệt, phòng Kế hoạch; phòng Kế toán, tổ kiểm tra ...phù hợp với tình hình, chức năng, nhiệm vụ mới;

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị; xây dựng kế hoạch sắp xếp bộ máy nhân sự. Đặc biệt, kiện toàn Ban chỉ huy các đội đủ biên chế, năng lực hoạt động trực tiếp. Phân bổ lao động linh hoạt, hiệu quả, thích ứng với kế hoạch, khối lượng công việc trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Từng bước hình thành bộ phận kỹ thuật; phát triển dự án;

- Nghiên cứu triển khai mô hình “*Công ty trực thuộc*” hoạch toán độc lập. Tạo điều kiện chủ động, linh hoạt để mở rộng thị trường dịch vụ.

- Phát triển các dự án từ năm 2026 như sau: (1) Đề xuất đầu tư dự án giao đất, giao rừng, khai thác dịch vụ dưới tán rừng tại Lâm viên Ea Kao và Lâm viên cảnh. (2) Đề xuất phương án xây dựng vườn ươm và cây giống tại khu đất chưa sử dụng trong khu vực nhà máy xử lý nước thải; (3) Nghiên cứu triển khai dự án đầu tư lắp mặt pin áp mái tại Đội xe; (4) Nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư khối nhà hỗn hợp tại 01 Đào Duy Từ, phường Buôn Ma Thuột.

- Thực hiện tốt các chính sách phúc lợi cho người lao động, đảm bảo thu nhập ổn định đối với người lao động, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần nắm giữ/ Ủy quyền	Tỷ lệ cổ phần (%)
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch (Không điều hành)	29/04/2024		3.323.400	51,00
2	Bùi Văn Quý	Thành viên	29/04/2024	24/04/2025	5.400	0,083
3	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	29/04/2024		0	0
4	Lê Đình Trung	Thành viên	29/04/2024		3.000	0,046
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	24/04/2025		2.386.200	36,617
6	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên (Không điều hành)	29/04/2024		5.000	0,077

1.2. Lý lịch Hội đồng quản trị

(1) (Ông) NGUYỄN THANH HÀ

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ngày sinh: 03/02/1956
- Nơi sinh: Nghệ An
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, Đoàn thể)
Năm 1956-1976	Còn nhỏ - đi học
Năm 1977-1981	Đi bộ đội (Quân đoàn 3 – Quân đoàn pháo binh)
Năm 1982-1985	Vào Tây Nguyên làm công nhân lâm trường Chư Pin
Năm 1986-1992	Đội trưởng Đội khai thác Công ty Lâm sản Đắk Lắk
Năm 1996 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Hoàng Nam
Năm 2019 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2019 - 2024 và 2024 - 2029

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.323.400 cổ phần, chiếm 51% cổ phần có quyền biểu quyết

- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết
- + Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Hoàng Nam (Ông Nguyễn Thanh Hà là Giám đốc): 3.323.400 cổ phần, chiếm 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: *Không*

(2) (Ông) Bùi Văn Quý

- Chức vụ: Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 22/01/1964
- Nơi sinh: Thái Bình
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , P.Buôn Ma Thuột, T.Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Thời gian	Quá trình công tác
Năm 1988 - 1994	Cán bộ kỹ thuật Liên hiệp các Xí nghiệp Cà phê Đắk Lắk
Năm 1995 - 1999	Cán bộ kỹ thuật nhà máy Chế biến phân bón Buôn Ma Thuột, Quản đốc phân xưởng chế biến phân bón Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2000 - 2003	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2004 – 2008	Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường
Năm 2009 – 2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2013 – 2015	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Năm 2016 – 6/2019	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ Tháng 7/2019 đến 15/5/2025	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.400 cổ phần, chiếm 0,083% cổ phần có quyền biểu quyết

- + Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phần, chiếm 0,083% cổ phần có quyền biểu quyết
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết
- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan:
 - + Em gái: Bùi Thị Nga: 3.400 cổ phần, chiếm 0,052% cổ phần có quyền biểu quyết
 - + Anh rể: Lê Hữu Hà: 600 cổ phần, chiếm 0,009% cổ phần có quyền biểu quyết
 - + Em rể: Lê Văn Thê: 3.500 cổ phần, chiếm 0,054% cổ phần có quyền biểu quyết

(3) (Ông) NGUYỄN HOÀNG NAM (như lý lịch Ban điều hành)

(4) (Ông) **LÊ ĐÌNH TRUNG** (Nhu lý lịch Ban điều hành)

(5) (Ông) **NGUYỄN QUỐC TUẤN** (Nhu lý lịch Ban điều hành)

(6) (Bà) **NGUYỄN THỊ NGỌC HÒA**

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 30/7/1979
- Nơi sinh: Xã An Khê – tỉnh Gia Lai
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Phường Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý công

Thời gian	Quá trình công tác
T4/2002 – T10/2002	Nhân viên Đội Quản lý Bãi rác Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T10/2002 – T12/2003	Nhân viên phòng Kế hoạch – Vật tư – Kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T01/2004 – T7/2011	Đội phó Đội Sản xuất Dịch vụ, sau sát nhập thành lập Xí nghiệp XD CT và Dịch vụ, sau tách ra làm việc tại XN Công viên cây xanh Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T8/2011 – T3/2014	Phó GD XN Vệ sinh môi trường Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk Bí thư Chi bộ 4 thuộc Đảng bộ Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T4/2014 – T6/2019	Phó Trưởng phòng KT – DVKH Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T6/2019 – T5/2023	Phó Trưởng phòng KH – Kinh Doanh CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk Phó Bí thư Chi bộ 1 Đảng bộ CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk Chủ nhiệm UBKT Công đoàn cơ sở CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ T6/2023 – T4/2024	Trưởng phòng Kinh Doanh CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk Phó Bí thư Chi bộ 1 thuộc Đảng bộ CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk Chủ nhiệm UBKT Công đoàn cơ sở CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T5/2024 đến nay	Trưởng phòng Kinh Doanh CTCP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk, nhiệm kỳ 2024 - 2029
--	---

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: *Không có.*

1.3. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.4.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các văn bản pháp luật liên quan.

- HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, duy trì và giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết mà ĐHCĐ, HĐQT cùng các mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

- HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ tạo mọi điều kiện để Tổng Giám đốc và Ban điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty. Luôn cùng Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát kế hoạch, giám sát kiểm tra tình hình hoạt động của các đơn vị, xem xét những thuận lợi khó khăn, đời sống công nhân viên và người lao động, qua đó tháo gỡ khó khăn vướng mắc và xử lý các đề xuất kiến nghị của các đơn vị.

- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp quan trọng của Công ty và có ý kiến chỉ đạo, đôn đốc nhắc nhở Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, có chủ trương và đề ra các giải pháp để Ban điều hành nghiên cứu thực hiện. Thành viên HĐQT điều hành luôn trực tiếp tham dự các cuộc họp sơ và tổng kết tháng, quý, năm để đưa ra các chỉ đạo và định hướng cho Công ty. Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát giám sát Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

1.4.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi HĐQT tham dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thanh Hà	12/12	100%	
2	Bùi Văn Quý	06/06	100%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025

3	Nguyễn Hoàng Nam	12/12	100%	
4	Lê Đình Trung	12/12	100%	
5	Nguyễn Quốc Tuấn	06/06	100%	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
6	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	12/12	100%	

1.4.3. Nội dung và kết quả các cuộc họp

Hội đồng quản trị duy trì sinh hoạt định kỳ và tổ chức các cuộc họp đột xuất nhằm chỉ đạo kịp thời và nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đánh giá được kết quả hoạt động trong năm và có những định hướng cụ thể để thực hiện tốt kế hoạch của năm 2025. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã triển khai 12 cuộc họp trực tiếp định kỳ và đột xuất để thông qua các nội dung cụ thể như sau:

- Thông qua chủ trương đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ cho lĩnh vực đô thị công ích của Công ty gồm: 02 xe cuốn ép rác (có tải trọng > 5 tấn); 01 xe quét hút bụi đường (loại > 5m³); 02 xe thang điện (có chiều dài thang từ 17m đến 30m). Thông qua chủ trương thanh lý tài sản gồm: 02 xe ô tô tải tự đổ sản xuất năm 2005; 01 xe máy ủi D65. Thông qua chủ trương giải thể Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Thông qua Kế hoạch triệu tập và tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

- Thông qua việc tổ chức đoàn tham quan học tập kinh nghiệm tại Nhật Bản

- Thông qua nội dung các hồ sơ, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

- Thông qua nội dung lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại Công ty.

- Thông qua việc đề cử ứng cử viên bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029.

- Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 24/04/2025.

- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc; miễn nhiệm chức danh thư ký Hội đồng quản trị và bổ nhiệm lại Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Thông qua báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025; Thông qua quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc các các phòng ban chức năng của Công ty; Thống nhất chủ trương giao cho Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc.

- Thông qua việc chuyển đổi cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng thành cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm, kế hoạch hoạt động 3 tháng cuối năm 2025 của Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Thông qua việc tái ký hợp đồng lao động đối với ông Lê Đình Trung, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự với tư cách quan sát viên.

1.4.4. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết và 18 Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị quyết			
1	06/NQ-HĐQT	20/01/2025	V/v: Thống nhất chủ trương mua sắm tài sản cố định: 02 xe cuốn ép rác, 01 xe quét hút bụi đường, 02 xe thang điện. - Thống nhất thanh lý 02 xe ô tô tái tự đổ, 01 xe máy ủi D65 - Thống nhất giải thể Ban QLDA ĐTXD trực thuộc Công ty	100%
2	07/NQ-HĐQT	19/02/2025	V/v: Phê duyệt kế hoạch triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
3	08/NQ-HĐQT	26/03/2025	V/v: Thông qua nội dung các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - Về thời gian, địa điểm, các Tờ trình, báo cáo trình đại hội và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. - Về Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025.	100% 80%
4	09/NQ-HĐQT	26/03/2025	Vv: Thống nhất lựa chọn Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank là đơn vị tư vấn thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty	100%
5	10/NQ-HĐQT	23/04/2025	V/v: Giới thiệu ứng cử viên bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	11/NQ-HĐQT	25/04/2025	V/v: Thống nhất chi trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCĐ	100%
7	12/NQ-HĐQT	15/05/2025	V/v: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Văn Quý; miễn nhiệm chức danh Thư ký HĐQT đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn - Thống nhất ký kết hợp đồng lao động và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Thành Nhựt; Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn	100%
8	13/NQ-HĐQT	25/07/2025	V/v: Thông qua báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2025. - Thông qua quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc các các phòng ban chức năng của Công ty - Thống nhất chủ trương giao cho Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc	100%
9	14/NQ-HĐQT	06/08/2025	V/v: Chuyển đổi cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng thành cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng	100%
10	15/NQ-HĐQT	27/10/2025	V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và thông qua báo cáo tình hình SXKD 9 tháng đầu năm, kế hoạch hoạt động 3 tháng cuối năm 2025 của Ban Tổng giám đốc Công ty	100%
11	16/NQ-HĐQT	24/11/2025	V/v: Tái ký hợp đồng lao động đối với ông Lê Đình Trung, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
II	Quyết định			
1	12/QĐ-HĐQT	20/01/2025	V/v: Giải thể Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng	
2	13/QĐ-HĐQT	19/02/2025	V/v: Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	14/QĐ-HĐQT	19/02/2025	V/v: Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	
4	15/QĐ-HĐQT	17/03/2025	V/v: Tổ chức Đoàn tham quan học tập kinh nghiệm tại Nhật Bản	
5	16/QĐ-HĐQT	26/03/2025	V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	
6	17/QĐ-HĐQT	23/04/2025	V/v: Miễn nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Kế toán đối với bà Trần Thị Thảo	
7	17a/QĐ-HĐQT	28/04/2025	V/v: Điều chỉnh mức lương đóng các khoản BHXH cho bà Trần Thị Thảo	
8	18/QĐ-HĐQT	15/05/2025	V/v: Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Văn Quý	
9	19/QĐ-HĐQT	15/05/2025	V/v: Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Thành Nhựt	
10	20/QĐ-HĐQT	15/05/2025	V/v: Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn	
11	21/QĐ-HĐQT	15/05/2025	V/v: Miễn nhiệm chức vụ thư ký Hội đồng Quản trị đối với ông Nguyễn Quốc Tuấn	
12	22/QĐ-HĐQT	28/05/2025	V/v: Điều chỉnh mức lương đóng các khoản BHXH cho ông Nguyễn Quốc Tuấn	
13	23/QĐ-HĐQT	02/6/2025	V/v: Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng - Kỷ luật	
14	24/QĐ-HĐQT	02/6/2025	V/v: Thành lập Hội đồng tiền lương	
15	25/QĐ-HĐQT	25/7/2025	V/v: Ban hành quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng trong Công ty	
16	26/QĐ-HĐQT	04/8/2025	V/v: Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	
17	27/QĐ-HĐQT	12/08/2025	V/v: Chỉ định thầu đơn vị cung cấp và phê duyệt giá xe ô tô: 02 xe cuốn ép rác, 01 xe quét bụi đường, 02 xe thang điện	

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	28/QĐ-HĐQT	29/12/2025	V/v: Điều chỉnh thông tin hàng hóa và thông số kỹ thuật xe ô tô: 02 xe cuốn ép rác, 01 xe quét bụi đường, 02 xe thang điện	

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

Tham gia khóa đào tạo về “Quản trị công ty” từ ngày 11-12/09/2025 tại Nha Trang do Viện phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (HUREDIN) tổ chức. Danh sách thành viên tham gia Khóa đào tạo “Quản trị Công ty”, cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty
2	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Trần Thị Thảo	Trưởng ban kiểm soát

2. Ban kiểm soát (BKS)

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/miễn nhiệm	Trình độ
1	Lê Văn Chính	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025	Cử nhân Kế toán tài chính
2	Trần Thị Thảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025	Cử nhân Kế toán
2	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	29/04/2024	Cử nhân Kinh tế kế toán
3	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	29/04/2024	Cử nhân tài chính ngân hàng

Lý lịch của Ban Kiểm soát:

(1) (Ông) Lê Văn Chính

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Ngày sinh: 01/01/1964
- Nơi sinh: Quảng Nam

- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – Tài chính thương mại

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, Đoàn thể)
7/1984 – 11/ 1987	Đi học Trung cấp tài chính kế toán III Nghĩa Bình
12/1987-4/1988	Kế toán phòng ngân sách Sở Tài chính Đắk Lắk
5/1988-5/2002	Kế toán Phòng Tài chính - kế hoạch thành phố Buôn Ma Thuột
6/2002-8/2008	Kế toán và Phó phòng kế toán Công ty Quản lý đô thị và Môi trường Đắk Lắk
9/2008-5/2009	Q.Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên đô thị và Môi trường Đắk Lắk
6/2009- 6/2019	Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên đô thị và Môi trường Đắk Lắk
7/2019 – 24/04/2025	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.500 cổ phần, chiếm 0,038% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 2.500 cổ phần, chiếm 0,038% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: *Không có.*

(2) (Bà) Trần Thị Thảo

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Ngày sinh: 13/10/1982
- Nơi sinh: Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
Từ 2006-2015	Kế toán viên Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ 2015 – 2019	Phó trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
Từ 2019 – T4/2025	Phó trưởng phòng Kế toán Công ty CP Đô thị và Môi trường

	trường Đắk Lắk
Từ 24/4/2025 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty Công ty CP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 5000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan: không có

(3) (Bà) Phan Thị Thùy Phương

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 22/03/1972

- Nơi sinh: Quảng Nam

- CCCD:

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: , phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế toán

Thời gian	Quá trình công tác
T3/1994 – T5/1999	Nhân viên Kế toán Nhà máy chế biến phân bón Buôn Ma Thuột
T6/1999 – T12/2009	Nhân viên Kế toán Công ty Quản lý công trình đô thị
T1/2010 – T4/2015	Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T5/2015 – T4/2016	Phó trưởng ban Quản lý đầu tư Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T5/2016 – T6/2019	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
T7/2019 – T3/2020	Phó Trưởng phòng Kế hoạch; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2019 – 2024 và 2024 - 2029
T4/2020 – đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, nhiệm kỳ 2019 – 2024 và 2024 - 2029

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.500 cổ phần, chiếm 0,069% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 4.500 cổ phần, chiếm 0,069% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan:

+ Chồng: Đinh Diễm: 2.000 cổ phần, chiếm 0,031% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Em gái: Phan Thị Thu Thảo: 2.000 cổ phần, chiếm 0,031% cổ phần có quyền biểu quyết

(4) (Bà) Phạm Ngọc Trâm

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Ngày sinh: 18/2/1985
- Nơi sinh: Bình Định
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: , phường Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Thời gian	Quá trình công tác
Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2010	Nhân viên Đội Vệ sinh môi trường thuộc Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk)
Từ tháng 12 năm 2010 đến 31/12/2023	Nhân viên Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc Công ty Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk)
Từ ngày 01/01/2024 đến 29/4/2024	Nhân viên phòng kinh doanh
Từ T5/2024 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.000 cổ phần, chiếm 0,031% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Cá nhân sở hữu: 2.000 cổ phần, chiếm 0,031% cổ phần có quyền biểu quyết

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan:

+ Chồng: Nguyễn Trung Hiếu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,077% cổ phần có quyền biểu quyết

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

a) Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ vào các quy định của các Luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, Ban kiểm soát đề ra kế hoạch chương trình làm việc trong năm trong đó chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

- Tham gia tất cả các cuộc họp được mời của Hội đồng quản trị, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh dịch vụ công ty thông qua báo cáo của Ban tổng giám đốc.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2025 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- Thẩm định báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính Công ty.

- Trong năm 2025 Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến phản ánh nào của Cổ đông.

- Các thành viên trong Ban Kiểm soát được phân công rõ ràng và đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- Chi phí hoạt động Ban kiểm soát theo quy định Công ty. Thù lao Ban Kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

b) Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Lê Văn Chính	02	02/02	100%	Miễn nhiệm ngày 24/4/2025
2	Phan Thị Thùy Phương	04	04/06	65%	Nghi ốm
3	Phạm Ngọc Trâm	06	06/06	100%	
4	Trần Thị Thảo	04	04/04	100%	Bỏ nhiệm ngày 24/4/2025

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Thù lao, lương và các khoản thu nhập khác thành viên Hội đồng quản trị, Thư ký hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty đại chúng:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao đã thanh toán
I	Hội đồng quản trị		912.000.000
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	660.000.000
2	Bùi Văn Quý	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	32.000.000
3	Lê Đình Trung	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	60.000.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	60.000.000
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	40.000.000

6	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên HĐQT	60.000.000
II	Nguyễn Quốc Tuấn	Thư ký HĐQT	22.500.000
III	Ban Kiểm soát		548.000.000
1	Lê Văn Chính	Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách (miễn nhiệm ngày 24/4/2025)	95.731.000
2	Trần Thị Thảo	Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách (bổ nhiệm ngày 24/4/2025)	332.269.000
3	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
4	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
IV	Nguyễn Quốc Tuấn	Người phụ trách quản trị	64.800.000
	Tổng cộng		1.547.300.000

Lương và các khoản thu nhập khác Ban điều hành doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản thu nhập	Cổ tức được chia	Tổng cộng
1	Bùi Văn Quý	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/5/2025)	154.389.000	16.740.000	171.129.000
2	Nguyễn Thành Nhựt	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/5/2025)	477.470.000	0	477.470.000
3	Lê Đình Trung	Phó T.Giám đốc	505.091.000	9.300.000	514.391.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Phó T.Giám đốc	508.712.000	0	508.712.000
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Phó T.Giám đốc	358.167.000	9.300.000	367.467.000
6	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	494.833.000	15.500.000	510.333.000
	Tổng cộng		2.498.662.000	50.840.000	2.549.502.000

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan: Không có

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk rất chú trọng trong việc rà soát và nâng cao chất lượng của hệ thống quản trị. Cụ thể, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc tự nghiên cứu về các văn bản pháp luật để quản trị công ty được tốt hơn. Đồng thời, nhằm tăng cường công tác quản trị, Công ty luôn công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật và tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng!

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

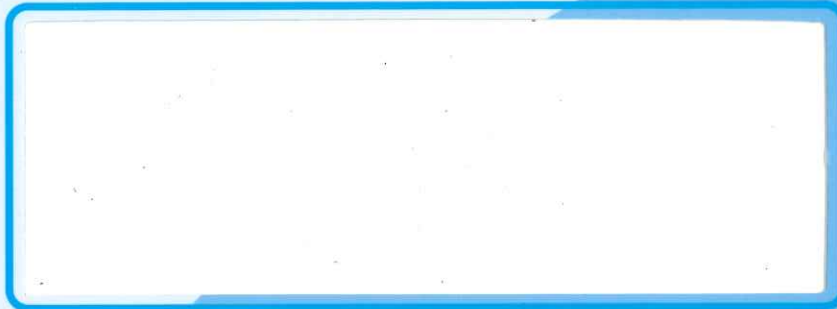
- UBCK Nhà nước (báo cáo);
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. (nt)
- Website Cty (thay thông báo);
- Thành viên HĐQT; Ban KS (nt)
- TGD; các PTGD
- Lưu VT Cty.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Nhật



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên độc lập của PrimeGlobal





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ
MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 6000179936 ngày 05/09/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đắk Lắk), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/09/2025.

Công ty đã giao dịch cổ phiếu phổ thông (Upcom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán UDL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 31/12/2019.

Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025: 66.200.000.000 đồng

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ, Phường Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0262) 3816886
- Fax: (0262) 3816886

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 743 người; trong đó, cán bộ quản lý là 10 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024
• Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024
• Ông Lê Đình Trung	Thành viên	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024
• Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 29/04/2024
• Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 24/04/2025
• Ông Bùi Văn Quý	Thành viên	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024 Miễn nhiệm ngày 24/04/2025

Ban kiểm soát

• Bà Trần Thị Thảo	Trưởng ban	Được bổ nhiệm ngày 24/04/2025
• Ông Lê Văn Chính	Trưởng ban	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024 Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
• Bà Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024
• Bà Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	Được bổ nhiệm lại ngày 29/04/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thành Nhựt	Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15/05/2025
• Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2024 Miễn nhiệm ngày 15/05/2025
• Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2024
• Ông Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2024
• Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/05/2025
• Ông Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2024

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nhựt

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 444/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 26/03/2026 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC
P. Hoà Cường, TP. Đà Nẵng
Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026


Thái Thị Ánh Nhung – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3313-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.151.615.187	116.582.444.828
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.627.156.165	20.592.937.349
1. Tiền	111		4.627.156.165	4.592.937.349
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		81.432.000.000	29.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	81.432.000.000	29.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.092.122.626	64.113.435.416
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	62.706.020.903	61.753.274.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.117.209.157	685.160.789
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.560.423.672	1.829.654.769
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.291.531.106)	(154.655.106)
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.000.336.396	2.876.072.063
1. Hàng tồn kho	141		2.000.336.396	3.556.363.932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(680.291.869)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.356.243.962	126.906.282.982
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.997.582.562	104.154.231.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.997.582.562	104.154.231.037
- Nguyên giá	222		166.611.660.975	336.619.759.501
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(136.614.078.413)	(232.465.528.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		308.000.000	308.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(308.000.000)	(308.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	22.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	22.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		358.661.400	752.051.945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	358.661.400	752.051.945
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.507.859.149	243.488.727.810

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.181.582.336	52.370.558.265
I. Nợ ngắn hạn	310		53.181.582.336	52.370.558.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.564.648.449	5.176.063.473
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.921.860.500	1.357.901.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	10.843.464.588	6.157.097.142
4. Phải trả người lao động	314		28.805.746.813	28.262.276.110
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	284.782.970	269.156.290
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.595.693.014	3.951.973.132
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.165.386.002	7.196.091.118
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.326.276.813	191.118.169.545
I. Vốn chủ sở hữu	410		125.765.473.439	118.562.972.745
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	66.200.000.000	66.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		66.200.000.000	66.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(1.205.600.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	14.889.000.000	7.751.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	45.882.073.439	44.611.972.745
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	14.572.972.745	20.818.333.756
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	31.309.100.694	23.793.638.989
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	21	6.560.803.374	72.555.196.800
1. Nguồn kinh phí	431	21	827.973.788	692.684.788
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	21	5.732.829.586	71.862.512.012
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.507.859.149	243.488.727.810



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Nhựt

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Nguyên Vũ

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	220.075.991.241	212.404.941.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.460.183.147	994.891.044
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		218.615.808.094	211.410.050.605
4. Giá vốn hàng bán	11	24	162.123.020.024	167.943.518.793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>56.492.788.070</u>	<u>43.466.531.812</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.187.405.848	2.753.989.291
7. Chi phí tài chính	22	26	96.863.334	185.211.068
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.863.334	185.211.068
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	20.297.989.442	15.737.773.702
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>40.285.341.142</u>	<u>30.297.536.333</u>
11. Thu nhập khác	31		120.600.154	33.913.549
12. Chi phí khác	32		462.336.623	362.612.229
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(341.736.469)</u>	<u>(328.698.680)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>39.943.604.673</u>	<u>29.968.837.653</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	8.634.503.979	6.175.198.664
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>31.309.100.694</u>	<u>23.793.638.989</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.291	3.235
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	4.291	3.235



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Nhựt

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Nguyên Vũ

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		218.340.698.819	203.197.772.805
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(73.676.029.070)	(67.867.169.610)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(87.253.300.634)	(78.675.425.436)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	26	(96.863.334)	(227.104.561)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(5.675.198.664)	(4.470.898.404)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.021.185.444	10.315.358.460
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.141.578.012)	(32.658.536.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.518.914.549	29.613.996.759
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(233.000.000)	(7.094.704.419)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		108.136.364	65.740.741
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(84.432.000.000)	(66.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		54.000.000.000	64.152.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	2.646.897.903	4.983.968.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.909.965.733)	(3.892.994.772)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	20	(1.205.600.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		42.614.445.098	20.832.260.243
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.614.445.098)	(32.072.490.430)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.369.130.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.574.730.000)	(11.240.230.187)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.965.781.184)	14.480.771.800
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	20.592.937.349	6.112.165.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	4.627.156.165	20.592.937.349



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Nhựt

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Nguyên Vũ

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/05/2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 6000179936 ngày 05/09/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đắk Lắk), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/09/2025.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý rác thải, xử lý nước thải, thoát nước mưa, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, và thi công xây dựng công trình.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	2 - 4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	Hết khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí bảo hiểm tài sản, xe ô tô: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn mua trong hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

• Thuế GTGT:

- ✓ Dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh đường phố; Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng công cộng,...: Từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025: Không chịu thuế; Từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2025: Áp dụng thuế suất 10%;
- ✓ Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, thi công xây dựng công trình: Áp dụng thuế suất 10%;

Ngoài ra, năm 2025, Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% đối với các hoạt động xử lý nước thải, thu gom, vận chuyển xử lý rác thải, thi công,... theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	1.097.375.403	490.857.091
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.529.780.762	4.102.080.258
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	16.000.000.000
Cộng	4.627.156.165	20.592.937.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng và không quá 12 tháng	81.432.000.000	81.432.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	39.432.000.000	39.432.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	42.000.000.000	42.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	81.432.000.000	81.432.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại các ngân hàng là 22.000.000.000 đồng).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Buon Ma Thuột (*)	59.206.809.000	59.863.701.760
Bảo tàng Đắk Lắk	1.008.605.000	5.980.000
Các đối tượng khác	2.490.606.903	1.883.593.204
Cộng	62.706.020.903	61.753.274.964

(*) Là khoản phải thu Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Buon Ma Thuột liên quan đến việc đã cung cấp dịch vụ công ích (quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc cây hoa cây cảnh, duy trì chăm sóc cây xanh đường phố, thu gom vận chuyển rác thải, xử lý nước rỉ rác, xử lý rác thải, quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải và một số dịch vụ khác).

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần TVN GLOBAL	4.640.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hoàng Thiên Nam	106.560.000	106.560.000
Các đối tượng khác	370.649.157	578.600.789
Cộng	5.117.209.157	685.160.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	385.114.188	-	182.317.291	-
Lãi dự thu	2.539.039.452	-	998.531.507	-
Phải thu nhân viên về BHXH	536.749.032	-	483.759.157	-
Ký cược, ký quỹ	13.200.000	-	13.200.000	-
Phải thu khác	86.321.000	-	151.846.814	-
Cộng	3.560.423.672	-	1.829.654.769	-

10. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Dự phòng

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư đầu kỳ	154.655.106	154.655.106
Trích trong kỳ	4.136.876.000	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	4.291.531.106	154.655.106

b. Nợ xấu

	31/12/2025			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	59.206.809.000	55.069.933.000		
<i>Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Buon Ma Thuột</i>	<i>59.206.809.000</i>	<i>55.069.933.000</i>	<i>Quá 3 năm</i>	<i>Nợ quá hạn</i>
Cộng	59.206.809.000	55.069.933.000		

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.612.165.285	-	1.495.032.653	-
Công cụ, dụng cụ	71.368.298	-	132.294.092	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	316.802.813	-	1.929.037.187	(680.291.869)
Cộng	2.000.336.396	-	3.556.363.932	(680.291.869)

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại ngày 31/12/2025.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	209.247.298.591	45.888.320.450	80.001.003.773	1.281.776.687	201.360.000	336.619.759.501
Tăng trong kỳ	233.000.000	-	-	-	-	233.000.000
Thanh lý trong kỳ	-	372.620.000	-	-	-	372.620.000
Bàn giao trong kỳ (**)	167.778.573.526	97.804.000	1.992.101.000	-	-	169.868.478.526
Số cuối kỳ	41.701.725.065	45.417.896.450	78.008.902.773	1.281.776.687	201.360.000	166.611.660.975
Trong đó:						
- TSCĐ dùng công ích	10.864.533.800	18.572.090.586	-	-	-	29.436.624.386
- TSCĐ dùng phúc lợi	4.530.367.000	-	1.435.183.000	-	-	5.965.550.000
- TSCĐ dùng kinh doanh	26.306.824.265	26.845.805.864	76.573.719.773	1.281.776.687	201.360.000	131.209.486.589
Khấu hao						
Số đầu kỳ	127.911.937.248	34.987.754.166	68.082.700.363	1.281.776.687	201.360.000	232.465.528.464
Khấu hao trong kỳ	1.787.338.000	1.284.892.000	4.949.114.049	-	-	8.021.344.049
Hao mòn trong kỳ	181.214.000	1.199.892.000	57.409.000	-	-	1.438.515.000
Thanh lý trong kỳ	-	372.620.000	-	-	-	372.620.000
Bàn giao trong kỳ (**)	103.545.266.100	97.804.000	1.295.619.000	-	-	104.938.689.100
Số cuối kỳ	26.335.223.148	37.002.114.166	71.793.604.412	1.281.776.687	201.360.000	136.614.078.413
Trong đó:						
- TSCĐ dùng công ích	10.864.533.800	12.839.261.000	-	-	-	23.703.794.800
- TSCĐ dùng phúc lợi	1.706.433.000	-	1.435.183.000	-	-	3.141.616.000
- TSCĐ dùng kinh doanh	13.764.256.348	24.162.853.166	70.358.421.412	1.281.776.687	201.360.000	109.768.667.613
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	81.335.361.343	10.900.566.284	11.918.303.410	-	-	104.154.231.037
Số cuối kỳ	15.366.501.917	8.415.782.284	6.215.298.361	-	-	29.997.582.562
Trong đó:						
- TSCĐ dùng công ích	-	5.732.829.586	-	-	-	5.732.829.586
- TSCĐ dùng phúc lợi	2.823.934.000	-	-	-	-	2.823.934.000
- TSCĐ dùng kinh doanh	12.542.567.917	2.682.952.698	6.215.298.361	-	-	21.440.818.976

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 106.299.618.530 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025.

(*) Trong tổng nguyên giá của TSCĐ tại ngày 31/12/2025 bao gồm giá trị của 07 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/03/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH MTV Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Công ty đang ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình và ghi nhận khoản phải trả khác là UBND Tỉnh Đắk Lắk. Hàng năm số tiền khấu hao sẽ được nộp trả cho Ngân sách nhà nước. Chi tiết Nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại tại 31/12/2025 cụ thể:

STT	Tên TSCĐ	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Máy móc, thiết bị		7.818.634.547	7.818.634.547	-
1	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	7.818.634.547	-
II	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		10.710.753.349	9.638.378.776	1.072.374.573
1	Xe ô tô xi téc chở nước	47C-15599	1.702.083.108	1.227.389.000	474.694.108
2	Xe ô tô tải tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	1.545.399.000	597.680.465
3	Xe cuốn ép rác 9m3	47C-15655	1.647.059.493	1.647.059.493	-
4	Xe cuốn ép rác 9m3	47C-15642	1.647.059.493	1.647.059.493	-
5	Xe cuốn ép rác 9m3	47C-15640	1.647.059.493	1.647.059.493	-
6	Xe cuốn ép rác 15m3	47C-15575	1.924.412.297	1.924.412.297	-
	Cộng		18.529.387.896	17.457.013.323	1.072.374.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(**) Ngày 07/3/2025, UBND TP Buon Ma Thuật có Quyết định 1297/QĐ-UBND về việc điều chuyển tài sản công là tài sản hình thành từ nguồn vốn Dự án thoát nước và vệ sinh môi trường TP Buon Ma Thuật (giai đoạn 1) về Ban QLDA Đầu tư xây dựng TP Buon Ma Thuật để quản lý, sử dụng. Theo đó, Công ty đã tiến hành bàn giao các tài sản thuộc Dự án này theo Biên bản bàn giao ngày 13/03/2025.

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 308.000.000 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	332.697.436	562.104.949
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	25.963.964	189.946.996
Cộng	358.661.400	752.051.945

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Anh Việt	1.067.873.032	2.658.993.000
Nguyễn Thị Vân	971.707.000	657.046.000
Các đối tượng khác	525.068.417	1.860.024.473
Cộng	2.564.648.449	5.176.063.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Nhóm khách hàng hợp đồng giao khoán xây dựng mộ	1.794.023.000	1.283.020.000
Các đối tượng khác	127.837.500	74.881.000
Cộng	1.921.860.500	1.357.901.000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.434.260.133	9.610.579.142	7.882.797.033	-	4.162.042.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.675.198.664	8.634.503.979	5.675.198.664	-	6.634.503.979
Thuế thu nhập cá nhân	-	44.364.745	1.196.450.486	1.198.675.264	-	42.139.967
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	280.487.504	280.487.504	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cổ tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp	-	-	7.387.920.000	7.387.920.000	-	-
Phí và lệ phí	-	3.273.600	39.064.567	37.559.767	-	4.778.400
Cộng	-	6.157.097.142	27.152.005.678	22.465.638.232	-	10.843.464.588

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí điện, nước	164.782.970	164.156.290
Các khoản chi phí trích trước khác	120.000.000	105.000.000
Cộng	284.782.970	269.156.290

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	145.764.993	146.362.993
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	12.825.598	16.293.536
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.000.000	16.000.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (*)	1.947.383.349	3.340.009.349
Cổ tức phải trả	266.810.000	113.940.000
Các khoản phải trả khác	191.909.074	319.367.254
Cộng	2.595.693.014	3.951.973.132

(*) Đây là khoản phải trả UBND Tỉnh Đắk Lắk liên quan đến việc tạm giao tài sản cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/03/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk (như trình bày tại thuyết minh 12 (*)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	66.200.000.000	-	4.285.000.000	25.439.333.756	95.924.333.756
Tăng trong kỳ	-	-	3.466.000.000	23.793.638.989	27.259.638.989
Giảm trong kỳ	-	-	-	4.621.000.000	4.621.000.000
Số dư tại 31/12/2024	<u>66.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>7.751.000.000</u>	<u>44.611.972.745</u>	<u>118.562.972.745</u>
Số dư tại 01/01/2025	66.200.000.000	-	7.751.000.000	44.611.972.745	118.562.972.745
Tăng trong kỳ	-	(1.205.600.000)	7.138.000.000	31.309.100.694	37.241.500.694
Giảm trong kỳ	-	-	-	30.039.000.000	30.039.000.000
Số dư tại 31/12/2025	<u>66.200.000.000</u>	<u>(1.205.600.000)</u>	<u>14.889.000.000</u>	<u>45.882.073.439</u>	<u>125.765.473.439</u>

(*) Ngày 31/01/2024 Hội đồng Quản trị có Nghị quyết số 42/NQ-HĐQT về việc mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết nắm giữ theo phương án cổ phần hóa. Theo đó, Công ty đã mua lại 103.400 cổ phiếu quỹ.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ góp vốn (%)	Vốn góp	Tỷ lệ góp vốn (%)	Vốn góp
Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk	36,00%	23.832.000.000	36,00%	23.832.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	50,20%	33.234.000.000	50,20%	33.234.000.000
Các cổ đông khác	12,24%	8.100.000.000	13,80%	9.134.000.000
Mệnh giá của Cổ phiếu quỹ	1,56%	1.034.000.000	-	-
Cộng	100,00%	66.200.000.000	100,00%	66.200.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	66.200.000.000	66.200.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	66.200.000.000	66.200.000.000
Cổ tức đã chia	20.522.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.620.000	6.620.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	103.400	-
- Cổ phiếu phổ thông	103.400	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.516.600	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.516.600	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	10.000	10.000

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	44.611.972.745	25.439.333.756
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	31.309.100.694	23.793.638.989
Phân phối lợi nhuận	30.039.000.000	4.621.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	30.039.000.000	4.621.000.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	7.138.000.000	3.466.000.000
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.379.000.000	1.155.000.000
+ Chia cổ tức	20.522.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	45.882.073.439	44.611.972.745

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCCĐ ngày 24/04/2025.

f. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 31%/vốn điều lệ (tương ứng 20.522.000.000 đồng). Khoản cổ tức này đã chi trả trong năm 2025.

21. Nguồn kinh phí và các quỹ

	31/12/2025	01/01/2025
Nguồn kinh phí sự nghiệp	827.973.788	692.684.788
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	5.732.829.586	71.862.512.012
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	6.560.803.374	72.555.196.800

Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ giảm trong năm là do bàn giao các tài sản theo Quyết định điều chuyển của UBND TP Buon Ma Thuột (xem mục (**)) của thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa	38.420.365	72.086.995
Doanh thu cung cấp dịch vụ	201.714.591.241	191.882.211.212
Doanh thu hợp đồng xây dựng	18.322.979.635	20.450.643.442
Cộng	220.075.991.241	212.404.941.649

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
Giá trị bị cắt giảm khi quyết toán	1.460.183.147	994.891.044
Cộng	1.460.183.147	994.891.044

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.730.170	54.406.218
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	146.351.935.708	149.433.817.311
Giá vốn của hoạt động xây lắp	16.423.646.015	18.455.295.264
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(680.291.869)	-
Cộng	162.123.020.024	167.943.518.793

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.187.405.848	2.753.989.291
Cộng	4.187.405.848	2.753.989.291

26. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí lãi vay	96.863.334	185.211.068
Cộng	96.863.334	185.211.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	10.710.431.816	10.095.722.743
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	259.488.895	232.170.914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.214.000	1.625.970.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.136.876.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.745.575	359.619.851
Các khoản khác	3.631.233.156	3.424.290.194
Cộng	20.297.989.442	15.737.773.702

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.943.604.673	29.968.837.653
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.228.915.223	907.155.669
Các khoản điều chỉnh tăng	3.228.915.223	907.155.669
- Các khoản phạt	7.580.917	5.095.989
- Các khoản chi phí không được trừ	2.561.334.306	522.059.680
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	660.000.000	380.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	43.172.519.896	30.875.993.322
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.634.503.979	6.175.198.664
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	8.634.503.979	6.175.198.664
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.309.100.694	23.793.638.989
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.130.910.069)	(2.379.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng BĐH)	3.130.910.069	2.379.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.178.190.625	21.414.638.989
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.567.565	6.620.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.291	3.235

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” năm 2025 được tính căn cứ vào việc tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 và có thể điều chỉnh theo quyết định chính thức của Đại hội đồng cổ đông năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.389.028.799	52.835.973.739
Chi phí nhân công	101.684.524.545	100.235.574.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.021.345.049	10.437.243.883
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.136.876.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.837.646.414	14.312.369.078
Chi phí khác bằng tiền	4.739.354.285	6.138.795.023
Cộng	180.808.775.092	183.959.956.071

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Lắk (địa bàn các phường, xã lân cận) với các bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, dịch vụ công ích (thu gom, vận chuyển, và xử lý rác thải, xử lý nước thải, thoát nước mưa, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng), và thi công xây dựng công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Kinh doanh thương mại		Dịch vụ công ích		Hoạt động xây lắp		Cộng	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	38.420.365	72.086.995	201.714.591.241	191.882.211.212	18.322.979.635	20.450.643.442	220.075.991.241	212.404.941.649
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	1.460.183.147	994.891.044	-	-	1.460.183.147	994.891.044
Giá vốn hàng bán	27.730.170	54.406.218	145.671.643.839	149.433.817.311	16.423.646.015	18.455.295.264	162.123.020.024	167.943.518.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.543.577	5.341.160	18.604.485.751	14.217.177.783	1.689.960.114	1.515.254.759	20.297.989.442	15.737.773.702
Doanh thu tài chính không phân bổ							4.187.405.848	2.753.989.291
Chi phí tài chính không phân bổ							96.863.334	185.211.068
Lợi nhuận thuần từ h.động KD							40.285.341.142	30.297.536.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải; dịch vụ cây xanh, tạo tiểu cảnh; Do đó, Công ty sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động kinh doanh trên. Tuy nhiên, giá cả của các loại nguyên liệu đầu vào này thường ít biến động và ít tồn kho nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chính của Công ty là Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Buon Ma Thuột. Với đặc thù kinh doanh cung cấp dịch vụ công ích, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Đối với nhóm khách hàng thuộc hoạt động dịch vụ vệ sinh hộ gia đình, dịch vụ khác... Công ty thực hiện chính sách thu ứng trước theo điều khoản hợp đồng hoặc thanh toán trong thời gian quy định của hợp đồng. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, Công ty hầu như không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với nhóm khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.564.648.449	-	2.564.648.449
Chi phí phải trả	284.782.970	-	284.782.970
Phải trả khác	2.437.102.423	-	2.437.102.423
Cộng	5.286.533.842	-	5.286.533.842
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.176.063.473	-	5.176.063.473
Chi phí phải trả	269.156.290	-	269.156.290
Phải trả khác	3.789.316.603	-	3.789.316.603
Cộng	9.234.536.366	-	9.234.536.366

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.627.156.165	-	4.627.156.165
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.432.000.000	-	81.432.000.000
Phải thu khách hàng	58.414.489.797	-	58.414.489.797
Phải thu khác	2.638.560.452	-	2.638.560.452
Cộng	147.112.206.414	-	147.112.206.414
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.592.937.349	-	20.592.937.349
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.000.000.000	22.000.000.000	51.000.000.000
Phải thu khách hàng	61.598.619.858	-	61.598.619.858
Phải thu khác	1.163.578.321	-	1.163.578.321
Cộng	112.355.135.528	22.000.000.000	134.355.135.528

33. Các cam kết thuê hoạt động

Công ty có hợp đồng thuê hoạt động là hợp đồng thuê đất số 154/HĐTĐ ngày 09/11/2020 với Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk, diện tích đất thuê là 13.657 m², trong đó:

- Thửa đất 1: tại Phường Buon Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk
 - Diện tích đất: 3.452 m²;
 - Thời gian thuê đất: Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 09/04/2049;
 - Mục đích sử dụng đất: Công trình trụ sở chính Công ty.
 - Thanh toán: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thửa đất 2: tại Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk
 - Diện tích đất: 10.205 m²;
 - Thời gian thuê đất: Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/04/2060;
 - Mục đích sử dụng đất: Công trình sân bãi đậu xe chuyên dụng;
 - Thanh toán: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

34. Bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam Cổ đông lớn

b. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025		
			Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	300.000.000	360.000.000	660.000.000
2	Bùi Văn Quý	Thành viên HĐQT/Tổng GĐ (Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 15/05/2025)	154.389.000	32.000.000	186.389.000
3	Lê Đình Trung	Thành viên HĐQT/Phó Tổng GĐ	505.091.000	60.000.000	565.091.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên HĐQT/Phó Tổng GĐ	508.712.000	60.000.000	568.712.000
5	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT/Phó Tổng GĐ-Thư ký HĐQT-Người quản trị	358.167.000	127.300.000	485.467.000
6	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng kinh doanh	-	60.000.000	60.000.000
7	Nguyễn Thành Nhứt	Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/05/2025 đến ngày 31/12/2025)	477.470.000	-	477.470.000
8	Trần Thị Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát (Từ 24/04/2025-31/12/2025)	332.269.000	-	332.269.000
9	Lê Văn Chính	Trưởng Ban Kiểm soát (Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/04/2025)	95.731.000	-	95.731.000
10	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên BKS	-	60.000.000	60.000.000
11	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên BKS	-	60.000.000	60.000.000
12	Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	494.833.000	-	494.833.000
Cộng			3.226.662.000	819.300.000	4.045.962.000

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024		
			Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	-	360.000.000	360.000.000
2	Bùi Văn Quý	Thành viên HĐQT/Tổng GĐ	458.076.000	96.000.000	554.076.000
3	Lê Đình Trung	Thành viên HĐQT/Phó Tổng GĐ	418.760.000	60.000.000	478.760.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên HĐQT/Phó Tổng GĐ	426.930.000	60.000.000	486.930.000
5	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng kinh doanh	-	40.000.000	40.000.000
6	Lê Thị Oanh	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	20.000.000
7	Lê Văn Chính	Trưởng Ban Kiểm soát	346.500.000	-	346.500.000
8	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên BKS	-	60.000.000	60.000.000
9	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên BKS	-	60.000.000	60.000.000
10	Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	414.000.000	-	414.000.000
11	Nguyễn Quốc Tuấn	Thư ký HĐQT-Người quản trị	-	124.800.000	124.800.000
Cộng			2.064.266.000	880.800.000	2.945.066.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Nhựt

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Lê Nguyên Vũ

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền



Trụ sở chính

Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>